

Mỏ Cày Nam, ngày 12 tháng 9 năm 2018

Số: 111/2018/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 280/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017, về việc: “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1941; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1945; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Văn bản ủy quyền cùng ngày 27/12/2017.

** Bị đơn:*

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; Chị Thái Thị Kim T, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Văn S, sinh năm 1969; Bà Lương Thị D, sinh năm 1968; Anh Võ Văn L, sinh năm 1989; Anh Võ Văn H, sinh năm 1992; Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1997; Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị Nh, sinh năm 1945; Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1976; Anh Nguyễn Hưng Y, sinh năm 1987; Chị Bùi Thị Tuyết G, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980; Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1989; Chị Phùng Thị Mỹ C, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1995; Anh Nguyễn Trường Th, sinh năm 2004; Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T đồng ý cho các hộ của các nguyên đơn gồm: Hộ ông Nguyễn Văn S (Ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Nh, anh Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hưng Y, chị Bùi Thị Tuyết G); Hộ ông Nguyễn Văn T (Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Chí T, chị Phùng Thị Mỹ C); Hộ ông Nguyễn Văn S1 (Ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Hữu Ch, anh Nguyễn Trường Th); Hộ bà Đoàn Thị T (Bà Đoàn Thị T) được sử dụng thửa ký hiệu 461C-1, diện tích 15.9m² để làm lối đi chung cho các hộ nguyên đơn. Phần đất này thuộc 01 phần thửa 461, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T đứng tên quyền sử dụng. Đất có tứ cận:

- Đông giáp thửa 462 của ông Võ Văn S, dài 32.21m.
- Tây giáp thửa ký hiệu 461C của anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T, dài 32.32m.
- Nam giáp thửa 90 của ông Nguyễn Văn T, dài 0.5m.
- Bắc giáp ĐHMC 12, dài 0.5m.

Về đền bù cho chủ sử dụng bất động sản chịu hưởng quyền: Các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S1, bà Đoàn Thị T tự nguyện liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), ghi nhận đã thực hiện xong.

Về hiện trạng trên đất: Là đất trống do được các đương sự bơm cát, đắp thành lối đi.

2.2. Ghi nhận sự thỏa thuận: Hộ ông Võ Văn S (Ông Võ Văn S, bà Lương Thị D, anh Võ Văn L, anh Võ Văn H, anh Võ Văn Đ) đồng ý cho các hộ của các nguyên đơn gồm: Hộ ông Nguyễn Văn S (Ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Nh, anh Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Hưng Y, chị Bùi Thị Tuyết G); Hộ ông Nguyễn Văn T (Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Chí T, chị Phùng Thị Mỹ C); Hộ ông Nguyễn Văn S1 (Ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Hữu Ch, anh Nguyễn Trường Th); Hộ bà Đoàn Thị T (Bà Đoàn Thị T) được sử dụng thửa 462, tờ bản đồ số 15, diện tích 38.5m², tọa lạc ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để làm lối đi chung cho các hộ nguyên đơn. Phần đất này do ông Võ Văn S, bà Lương Thị D đứng tên quyền sử dụng. Đất có tứ cận:

- Đông giáp thửa 91 của bà Võ Thị Q, dài 31.93m.
- Tây giáp thửa ký hiệu 461C-1 của anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T, dài 32.31m.
- Nam giáp thửa 90 của ông Nguyễn Văn T, dài 1.2m.
- Bắc giáp ĐHMC 12, dài 1.2m.

Về đền bù cho chủ sử dụng bất động sản chịu hưởng quyền: Ghi nhận hộ ông Võ Văn S, bà Lương Thị D không yêu cầu các nguyên đơn đền bù đối với phần đất được sử dụng làm lối đi.

Về hiện trạng trên đất: Là đất trống do được các đương sự bơm cát, đắp thành lối đi.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất (đối với phần đất được sử dụng làm lối đi) của các chủ sử dụng đất như nêu trên. Các hộ nguyên đơn được quyền sử dụng đất (các phần đất nêu trên) của các chủ sử dụng đất để làm lối đi. Đồng thời các bên phải tuân thủ các điều kiện để đảm bảo quá trình sử dụng đất mà pháp luật quy định.

2.3. Ghi nhận sự thỏa thuận các nội dung khác có liên quan: Tại thửa 462 (của ông Võ Văn S, bà Lương Thị D - hiện cho các hộ nguyên đơn sử dụng làm lối đi) và thửa 461C-1 (của anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T – hiện cho các hộ nguyên đơn sử dụng làm lối đi) và thửa 461C, 461B (của anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T – không tranh chấp), cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, phía các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S1, bà Đoàn Thị T, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn S, bà Lương Thị D, anh Võ Văn L, anh Võ Văn H, anh Võ Văn Đ đã thỏa thuận bơm cát với tổng số tiền chi phí là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) – Đã thực hiện bơm cát xong. Trong đó: Các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S1, bà Đoàn Thị T tự nguyện liên đới chịu 6.500.000 đồng; Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, chị Thái Thị Kim T tự nguyện liên đới chịu 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) – Ghi nhận đã thực hiện chi xong.

2.4. Về lối đi trên đất của các nguyên đơn: Đã tự thỏa thuận, có văn bản thỏa thuận riêng, không yêu cầu ghi nhận, không xem xét.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (đối với yêu cầu quyền về lối đi qua):

- Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S1 mỗi người tự nguyện nộp: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013617 ngày 22/12/2017; Ông Nguyễn Văn S1 được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013618 ngày 22/12/2017 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn S1 mỗi người 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Văn S mỗi người tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Tuy nhiên:

+ Bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Văn S mỗi người được miễn 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) – Đây là phần phải nộp (theo thỏa thuận) do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Văn S mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) – Đây là phần tự nguyện nộp thay cho bị đơn (theo thỏa thuận).

Bà Đoàn Thị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013615 ngày 22/12/2017; Ông Nguyễn Văn S được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013616 ngày 22/12/2017 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Văn S mỗi người 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

2.6. *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, thu thập chứng cứ:* 367.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn S1, bà Đoàn Thị T tự nguyện liên đới chịu – Ghi nhận đã nộp xong.

Không có thỏa thuận hay yêu cầu gì thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Thành Thới B (để biết);
- Văn phòng ĐKĐĐ huyện (để biết);
- Lưu HS.

Thẩm phán

Đỗ Thúy Hằng